

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 6 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa
2. Bà Trần Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: ông Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Mai Xuân Th – sinh năm 1994

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: chị Phạm Thị Thu H – sinh năm 1994

Nơi cư trú: thôn N, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/01/2018, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, anh Mai Xuân Th trình bày: anh và chị Phạm Thị Thu H tìm hiểu và quyết định đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/6/2017. Do đang trong thời gian chuẩn bị làm đám cưới nên anh và chị H chưa chung sống với nhau. Tuy nhiên, vì thời gian tìm hiểu quá ngắn, chỉ có 3 tháng và chủ yếu tìm hiểu, yêu đương

thông qua mạng xã hội nên sau khi đăng ký kết hôn thì anh và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phát hiện thấy lối sống, quan hệ xã hội của chị H không phù hợp với mình, anh có góp ý nhưng chị H không sửa đổi mà còn hay nói dối anh nên giữa hai bên xảy ra cãi cọ, xích mích. Vì vậy đã lâu hai bên không liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Thấy hai người không còn tình cảm với nhau, không thể đi đến xây dựng cuộc sống gia đình, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài nên anh đã làm đơn đến Tòa án xin được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

Anh và chị H không có con chung, cũng không có tài sản chung hay nợ nần gì chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về phía bị đơn, chị Phạm Thị Thu H, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập các đương sự đến làm việc nhiều lần nhưng chỉ có anh Th có mặt còn chị H đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tổ chức để các đương sự hòa giải với nhau được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã V và gia đình của chị H. Kết quả xác minh cho thấy chị Phạm Thị Thu H hiện vẫn đang sinh sống cùng mẹ và ông bà ngoại tại thôn N, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. UBND xã V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị H và tiến hành giao cho chị H nhưng chị H và người nhà đều cố tình từ chối nhận các văn bản tố tụng, mặc dù đã được giải thích nội dung của các văn bản này nhưng chị H vẫn không nhận và nói là tùy anh Th làm gì thì làm chị không quan tâm. Do vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần để đến tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Thu H.

- Về nội dung: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Th ly hôn với chị H; về con chung và tài sản chung không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Sau khi nghe lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy triệu tập cho chị Phạm Thị Thu H nhưng chị H cố tình vắng mặt nên vụ án không thể tiến

hành hòa giải được, vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất để xét xử vào ngày 21/5/2018 nhưng chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa. Sau đó, Tòa án tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay (19/6/2018) chị H vẫn không có mặt. Như vậy, có thể xác định việc chị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là cố tình không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, chị H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị Thu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Tuy nhiên, do quá trình tìm hiểu không kỹ càng, thời gian tìm hiểu quá ngắn, hai bên chưa hiểu biết rõ về tính tình, lối sống của nhau nên ngay sau khi đăng ký kết hôn, hai bên chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục và cũng chưa chung sống với nhau nhưng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh Th phát hiện lối sống, các mối quan hệ xã hội của chị H không phù hợp với mình nên xảy ra cãi cọ, xích mích dẫn đến không thể hòa hợp được với nhau để tiếp tục xây dựng gia đình. Giữa anh Th và chị H cũng đã không liên lạc, quan tâm gì đến nhau từ lâu. Nay anh Th kiên quyết muốn ly hôn còn chị H không quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân với anh Th.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Th và chị H là trầm trọng, không thể hàn gắn, hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Mai Văn Th ly hôn với chị Phạm Thị Thu H là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung : Qua lời trình bày của anh Th và kết quả xác minh cho thấy anh Th và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Th trình bày là anh và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án cũng không có ai yêu cầu gì về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Mai Xuân Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định, được khấu trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Thị Thu H.
2. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Xuân Th, cho anh Mai Xuân Th ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.
3. Về con chung: Không có nên không xem xét.
4. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.
5. Về án phí: buộc anh Mai Xuân Th phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002046 ngày 22/01/2018, anh Mai Xuân Th đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu